TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Trần Ngọc Ánh

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Như Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Em K, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Quách Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Em K trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1997, bà Trần Em K và ông Quách Văn H quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do ông H không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà K đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Quách Văn H và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà Trần Em K và ông Quách Văn H có 02 con chung tên Quách Khả Ph, sinh năm 1998 và Quách Đại Đ, sinh năm 1999 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Quách Văn H: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05-4-2024 bà Trần Em K có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Quách Văn H. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Quách Văn H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Em K, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Em K và ông Quách Văn H chung sống với nhau vào năm 1997 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không Hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận bà Trần Em K và ông Quách Văn H là vợ chồng là phù hợp pháp luật

[3] *Về con chung:* Bà Trần Em K và ông Quách Văn H có 02 con chung tên Quách Khả Ph, sinh năm 1998 và Quách Đại Đ, sinh năm 1999 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông H đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa ông H và bà K được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà bà K xác nhận trong thời gian chung sống cùng ông H, ông bà không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về án phí:* Bà K là nguyên đơn trong vụ án, do đó bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Em K và ông Quách Văn H.

2. Về con chung: Bà Trần Em K và ông Quách Văn H có 02 con chung tên Quách Khả Ph, sinh năm 1998 và Quách Đại Đ, sinh năm 1999 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Em K phải nộp 300.000 đồng nhưng bà K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005464 ngày 05-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà K không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Em K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Quách Văn H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân